NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGUỒN LỰC VÀ HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯ DÂN VEN BIỂN

ThS ĐỖ DUY HÒA
Học viện Chính trị khu vực III

Hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển là sự sử dụng các nguồn lực sinh kế để tham gia các hoạt động đánh bắt, khai thác, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản và các hoạt động thương mại dịch vụ ven biển, thích ứng với những hoàn cảnh dễ bị tổn thương, đặc biệt trong đó là sự biến đổi khí hậu nhằm đạt mục tiêu cuối cùng là thu nhập và nâng cao đời sống.

Nguồn lực sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển bao gồm các nguồn lực tự nhiên, con người, vật chất, tài chính, xã hội mà các ngư dân, hộ ngư dân, hoặc cộng đồng ngư dân sở hữu có thể tạo ra thu nhập hoặc có thể được sử dụng, trao đổi để đáp ứng nhu cầu của họ. Nguồn lực và khả năng tiếp cận các nguồn lực có tác động rất lớn đến hoạt động sinh kế bền vững của cộng đồng ngư dân ven biển. Việc nắm rõ và phân tích đánh giá đúng thực trạng các nguồn lực sinh kế cũng như có giải pháp huy động tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực sinh kế sẽ thúc đẩy quá trình phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển.

Nhân tố ảnh hưởng đến nguồn lực và hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển chính là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố con người, tự nhiên, vật chất, tài chính, xã hội và các hoạt động đánh bắt, khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản và các hoạt động thương mại dịch vụ ven biển. Cụ thể:

Về các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn nhân lực và hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Nguồn nhân lực có vai trò rất quan trọng trong hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển, nó chi phối các nguồn lực tự nhiên, vật chất, tài chính, xã hội. Chất lượng nguồn nhân lực trong hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển được đánh giá thông qua các yếu tố như sức khỏe; kiến thức, kỹ năng, khả năng làm việc; trình độ văn hóa, học vấn; giới tính, độ tuổi lao động… Nếu các yếu tố này được đánh giá ở mức độ lý tưởng thì sẽ cho năng suất lao động cao, cho phép ngư dân trong cộng đồng theo đuổi các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được kết quả sinh kế như mong muốn.

Sức khỏe rất quan trọng đối với những người đi biển, nó là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Bởi đặc trưng đời sống của ngư dân ven biển là bám biển, tính cơ động trên biển cao, nếu không đủ sức khỏe thì khó có thể mà vươn khơi bám biển dài ngày để đánh bắt thủy sản và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Về dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng ngư dân ven biển ở Việt Nam trong những năm qua đã được chú trọng, nhưng, vấn đề chăm sóc sức khỏe cho ngư dân lênh đênh trên biển đang là vấn đề bỏ ngỏ. Cho nên, sự trang bị cho cộng đồng ngư dân ven biển về kiến thức, kỹ năng sơ cứu trên biển là vấn đề cần đặt ra, rất cần sự quan tâm của các cơ quan chức năng, đặc biệt là hệ thống dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Những kiến thức, kinh nghiệm về mùa vụ, ngư trường và các loài thủy sản rất quan trọng đối với hoạt động đánh bắt hải sản. Người ngư dân lâu năm thường tích lũy được nhiều kiến thức, kinh nghiệm đi biển để đối mặt với những rủi ro từ thiên tai; kinh nghiệm về thời gian và vị trí luồng thủy sản để có thể khai thác được nhiều hơn. Đối với những ngư dân đánh bắt xa bờ, dài ngày trên biển thì cần phải có thêm kinh nghiệm chế biến, bảo quản sản phẩm thủy sản sau khai thác. Ngư dân cũng cần có kiến thức, kinh nghiệm để có thể sử dụng các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản cũng như sử dụng thành thạo các trang thiết bị dự báo an toàn trên biển, nhất là trong thời đại hiện nay với công nghệ kỹ thuật ngày càng hiện đại. Bên cạnh đó, ngư dân cũng cần có kiến thức, kinh nghiệm trong việc sửa chữa máy tàu khi bị hư hỏng ngoài khơi, sửa chữa ngư cụ, ghép lưới, vá lưới. Tuy nhiên, ngư dân chỉ có nhiều kinh nghiệm về đánh bắt hải sản thì cũng chưa đủ, họ cần phải có kiến thức về khai thác hải sản nữa, bởi, thiếu kiến thức sẽ dẫn đến hiện tượng khai thác hải sản quá mức cho phép làm ảnh hưởng đến khả năng tái tạo nguồn lợi thủy sản, qua đó cũng làm giảm khả năng tái tạo việc làm.

Vấn đề về trình độ văn hóa, học vấn của ngư dân là rất cần thiết trong hoạt động sinh kế ngày nay với quan hệ hợp tác, giao thương, hội nhập trở nên sâu rộng và trong giải quyết các vấn đề nảy sinh như xung đột, tranh chấp trên biển khi thực hiện khai thác xa bờ. Tuy nhiên, trong thực tế trình độ văn hóa, học vấn của cộng đồng ngư dân ven biển thường thấp hơn so với các vùng khác. Vấn đề phổ cập giáo dục và đào tạo nghề cho cộng đồng ngư dân ven biển là hết sức cấp thiết, bởi nó có sức ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề giải quyết lao động - việc làm và sinh kế của người dân nơi đây theo hướng bền vững, góp phần tránh các cú sốc về kinh tế, chính trị…

Giới tính, độ tuổi lao động của cộng đồng ngư dân ven biển ảnh hưởng đến sự phân chia công việc rất rõ rệt. Thông thường những người trực tiếp đi biển để đánh bắt hải sản là thanh niên trai tráng, đàn ông có sức khỏe và trong độ tuổi từ 13 cho đến 65, thậm chí đến 70 tuổi, phần còn lại là phụ nữa, trẻ em và người lớn tuổi không đủ sức khỏe thì tham gia các hoạt động dịch vụ, hậu cần nghề cá, chế biến hải sản… Điều này có nghĩa là, giới tính và độ tuổi lao động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển.

Ảnh hưởng của cơ sở vật chất đến nguồn lực và hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Cơ sở hạ tầng kinh tế vùng ven biển gồm hệ thống nguồn cung cấp năng lượng, nước và xử lý rác thải; các công trình giao thông vận tải, phương tiện vận chuyển; các cơ sở chế biến; các công cụ và trang biết bị khoa học - công nghệ… phục vụ hoạt động sinh kế là một bộ phận quan trọng, là động lực thúc đẩy của phát triển, đảm bảo cho kinh tế vùng ven biển phát triển nhanh, ổn định, bền vững, tạo điều kiện cải thiện cuộc sống của cộng đồng ngư dân ven biển. Cơ sở hạ tầng xã hội gồm nhà ở, trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa, thể thao… và các trang thiết bị đi kèm là điều kiện thiết yếu nhằm bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực cả về thể chất lẫn tinh thần để phục vụ cho hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển.

Có thể nói, cơ sở vật chất là nền tảng giúp cho cộng đồng ngư dân ven biển thực hiện chiến lược sinh kế. Tuy nhiên, trong thực tế thì đa số cơ sở vật chất tại vùng ven biển của Việt Nam vẫn còn thấp kém: phương tiện đánh bắt có công suất nhỏ đóng theo kinh nghiệm dân gian (không có thiết kế) chiếm số nhiều; các ngư lưới cụ, trang thiết bị khai thác còn thiếu thốn, kém chất lượng, nhiều tàu thuyền do trang thiết bị không đồng bộ nên hiệu quả đánh bắt hải sản thấp; hệ thống cảng cá, bến cá chậm phát triển, nhiều bến cá bị sa bồi chậm nạo vét; khu âu thuyền để neo đậu tàu thuyền tránh trú bão còn thiếu; hệ thống chế biến đông lạnh với công nghệ lạc hậu nên chưa tạo được những sản phẩm có giá trị cao. Vật chất trong các hộ ngư dân còn nhiều thiếu thốn, nhà ở còn thô sơ… Tất cả những điều nêu trên ảnh hưởng đến sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển.

Sự ảnh hưởng của nguồn lực xã hội đến các nguồn lực và hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Việc đánh giá chất lượng nguồn lực xã hội như thế nào là rất khó, bởi, không thể đo lường và định lượng nó trên cơ sở số lượng tổ chức đoàn thể, hội, nhóm… tại địa phương được. Thông qua các mối quan hệ trong xã hội, cộng đồng ngư dân ven biển có sự học hỏi, tích

lũy những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết (bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực), có sự trau dồi tạo niềm tin đối với thị trường, nâng cao hiệu quả các mối quan hệ kinh tế và giảm thiểu những rủi ro về vấn đề thông tin mất cân đối... Đồng thời, thông qua mạng lưới quan hệ trong xã hội giúp ngư dân giảm nhẹ ảnh hưởng của các cú sốc về kinh tế, chính trị hay bù đắp cho sự thiếu hụt các nguồn lực sinh kế khác. Tuy nhiên, trên thực tế thì mối liên kết, hợp tác giữa ngư dân vùng ven biển với nhau vẫn còn lỏng lẻo, kết cấu cộng đồng thiếu bền vững. Hiện tượng lao động nghề cá lâu năm có nhiều kinh nghiệm đi biển, vững tay nghề đang bị mất dần được xem là sự lãng phí nguồn lực xã hội. Sự phối kết hợp, hỗ trợ của các ngành chức năng trên biển với ngư dân thiếu chặt chẽ, không được thường xuyên. Dù nguồn lực xã hội phát triển, nhưng vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt hơn. Đòi hỏi chính quyền địa phương cần có sự quyết tâm hơn nữa trong việc tìm ra nhiều phương án thích ứng biến đổi khí hậu mang tính chủ động hơn. Bên cạnh, chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn cộng đồng ngư dân tự thích ứng với biến đổi khí hậu, cần có chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm cải thiện nguồn lực sinh kế cho ngư dân.

Sự ảnh hưởng của nguồn lực tự nhiên đến hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Nguồn lực tự nhiên chính là những lợi thế mà thiên nhiên mang lại, ban tặng cho họ, nó ảnh hưởng tới hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển; đồng thời nó cũng trực tiếp ảnh hưởng tới đời sống hàng ngày của ngư dân. Cộng đồng ngư dân ven biển thực hiện chiến lược sinh kế chủ yếu là dựa vào nguồn lợi thủy hải sản khá tiềm năng sẵn có trong thiên nhiên. Đa số ngư dân sống bằng nghề đánh bắt, khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản, bên cạnh đó có một bộ phận ngư dân sống bằng nghề buôn bán nhỏ, dịch vụ du lịch, chế biến thủy sản,…

Nguồn lực tự nhiên thủy hải sản trữ lượng càng lớn càng có điều kiện để tạo nhiều sinh kế cho cộng đồng ngư dân ven biển. Nhưng khi nguồn lợi thủy hải sản ven bờ bị cạn kiệt, ngư dân có xu hướng chuyển sang đánh bắt xa bờ. Song, việc đánh bắt xa bờ đòi hỏi cần phải đầu tư khá lớn vào trang thiết bị, phương tiện tàu thuyền, trong khi đó nguồn lực tài chính của nhiều hộ ngư dân hạn chế, rất khó khăn, cho nên, không phải ngư dân nào cũng có thể tham gia đánh cá xa bờ được. Thực tế hiện nay nguồn lợi thủy hải sản ngày càng suy giảm, đã và đang đặt ra những khó khăn nhất định đối với cộng đồng ngư dân ven biển trong việc thực hiện sinh kế để đảm bảo cuộc sống hàng ngày.

Sự ảnh hưởng của nguồn lực tài chính đến hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Nguồn lực tài chính của cộng đồng ngư dân ven biển là khoản tiền tích lũy tiết kiệm từ hoạt động khai thác hải sản, các khoản tín dụng, vay nợ và các khoản tiền khác chuyển về… rất cần thiết đối với hoạt động sinh kế của họ. Đối với ngư dân làm nghề khai thác, đánh bắt xa bờ thì rất cần một lượng lớn nguồn vốn tài chính để đầu tư phương tiện tàu thuyền, trang trải chi phí xăng dầu, mua sắm ngư lưới cụ và các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại. Tuy nhiên, trong thực tế nguồn tích lũy tiết kiệm từ hoạt động khai thác hải sản không đáp ứng nhu cầu đầu tư nên buộc ngư dân tìm kiếm nguồn vốn vay (từ ngân hàng, các tổ chức đoàn thể, người thân, bạn bè, chủ thu mua hải sản…), chủ yếu vay từ các tổ chức tín dụng phi chính thức với thủ tục đơn giản, nhanh gọn nhưng lãi suất lại khá cao. Mặc dù ngư dân có cơ hội tiếp cận các khoản tiền hỗ trợ từ các chương trình, dự án của Nhà nước (chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng, hỗ trợ dầu, bảo hiểm…), nhưng quy định hỗ trợ rất khắc khe, thủ tục hành chính rườm rà, mức tiền hỗ trợ rất thấp không thấm vào đâu so với hoạt động sinh kế của họ. Do hộ ngư dân có nguồn lực tài chính rất hạn chế, dễ bị tổn thương trước những cũ sốc kinh tế, cho nên, Nhà nước và các tổ chức tín dụng cần quan tâm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho ngư dân có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn vốn tài chính để đầu tư cho hoạt động sinh kế.

Sự tác động qua lại giữa các nguồn lực sinh kế với nhau

Nguồn nhân lực là nhân tố đặc biệt quan trọng, đóng vai trò liên kết các nguồn lực với nhau tạo ra quá trình hoạt động sinh kế; quyết định đến sự khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính; mở rộng cơ hội, khả năng tiếp cận nguồn lực xã hội; khai thác và bồi dưỡng, tái tạo nguồn lực tự nhiên. Nguồn lực cơ sở vật chất là điều kiện thiết yếu để nguồn nhân lực tiếp cận các dịch vụ công bồi dưỡng, phát triển con người, đồng thời, khai thác, sử dụng, tái tạo và mở rộng khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính, nguồn lực tự nhiên và nguồn lực

xã hội. Nguồn lực xã hội là cơ sở để nguồn nhân lực thông qua các mối quan hệ xã hội thực hiện chiến lược sinh kế theo phương án tốt nhất; đồng thời, có sự học hỏi, trau dồi kinh nghiệm trong việc khai thác đi cùng với tái tạo nguồn lực tự nhiên tạo nên sự phát triển bền vững, tăng khả năng tiếp cận và bổ sung nguồn lực tài chính, nguồn lực cơ sở vật chất. Nguồn lực tự nhiên là mục tiêu để tạo ra chiến lược và tổ chức hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân vùng ven biển; thông qua khai thác nguồn lực tự nhiên có sự bổ sung nguồn lực tài chính, tạo khả năng phát triển các nguồn lực sinh kế khác. Nguồn lực tài chính là yếu tố đầu vào tiên quyết của mọi hoạt động sinh kế; tạo nên sự tự tin của cộng đồng ngư dân trong bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ đánh bắt hải sản, tiếp cận các tổ chức để mở rộng mối quan hệ trong xã hội. Nếu thiếu nguồn lực tài chính thì mọi nguồn lực khác sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động sinh kế.

Ảnh hưởng của khí hậu đến nguồn lực tự nhiên và hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển, đặc biệt là những ngư dân làm nghề đánh bắt, khai thác hải sản phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết của biển. Sự ảnh hưởng này thể hiện khá rõ thông qua việc đánh giá những thiệt hại do bão gây ra đối với cộng đồng ngư dân ven biển trong những năm gần đây. Khi biển động ngư dân ra khơi đánh bắt, khai thác hải sản ít nhiều cũng bị ảnh hưởng về sản lượng, thậm chí có trường hợp bị thiệt hại rất lớn kể cả tính mạng và vật chất, dẫn đến nhiều ngư dân bỏ nghề, thất nghiệp. Khi trời bão, biển động, thời tiết không thuận lợi ngư dân thường nhàn rỗi, nhưng đa số không tham gia tạm thời vào hoạt động sinh kế mới, nên không có kết quả sinh kế trong thời gian này.

Xu hướng biến đổi khí hậu ngày càng làm gia tăng tính rủi ro cho ngư dân đi biển, đòi hỏi nhu cầu nguồn lực xã hội ngày càng lớn, trách nhiệm của chính quyền các cấp ngày càng cao. Thế nhưng, hệ thống phòng chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập; việc nghiên cứu dự đoán chính xác các cơn bão từ xa chưa tốt, khiến cho người dân đang đánh bắt xa bờ bị động; những phương tiện cần thiết cho việc cứu nạn, cứu hộ trên biển một cách nhanh chóng vẫn còn yếu và thiếu…

Ảnh hưởng của thị trường đến hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Trước đây, cộng đồng ngư dân ven biển hoạt động sinh kế truyền thống mang tính tự cung, tự cấp, sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ nhu cầu sống của hộ ngư dân và làng xã. Ngày nay cơ chế kinh tế thị trường phát triển, hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển dần dần có sự thay đổi dưới sự dẫn dắt của các yếu tố thị trường, các thể chế địa phương và sự hỗ trợ, thúc đẩy của các yếu tố về cơ sở hạ tầng. Người dân ven biển bắt đầu biết đem những sản phẩm thủy hải sản đánh bắt, khai thác và nuôi trồng được đến các chợ của địa phương khác để mua bán, trao đổi hàng hóa. Cùng với quá trình này bắt đầu cũng xuất hiện các chủ thu mua sản phẩm thủy hải sản ngay tại cộng đồng ngư dân ven biển và cung cấp những hàng hóa thiết yếu cho chuyến đi biển tiếp theo với lý do làm giảm chi phí đi lại cho ngư dân. Điều này tạo ra nhiều sự lựa cho cho ngư dân trong việc đánh bắt, khai thác, bán sản phẩm thủy hải sản và mua hàng hóa. Sự liên kết hợp tác giữa các chủ tàu với các chủ thu mua và cung ứng hàng hóa trong điều kiện hiện nay là cần thiết, tuy nhiên, cần phải có sự vào cuộc của chính quyền địa phương và các cơ quan pháp luật để những hoạt động mua bán, vay mượn mang tính công khai và đảm bảo quyền lợi cho ngư dân, dần dần tiến tới chuyển sang mô hình hợp tác xã đánh bắt xa bờ và dịch vụ thủy sản. Việc lựa chọn đánh bắt, khai thác và nuôi trồng những loại thủy hải sản nào có giá trị kinh tế, bắt đầu theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường; đã tác động làm thay đổi hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển từ truyền thống sang cơ chế thị trường.

Hiện nay, nguồn lợi thủy hải sản ven bờ ngày càng suy giảm, những loại cá có giá trị kinh tế cao lại nằm ở ngoài đại dương, nên ngư dân có xu hướng chuyển sang đánh bắt xa bờ. Việc đánh bắt xa bờ đòi hỏi cần phải đầu tư một nguồn tài chính khá lớn để trang bị phương tiện tàu thuyền và trang thiết bị kỹ thuật tương ứng, cho nên, những ngư dân không thể tham gia đánh bắt xa bờ đã tìm kiếm sinh kế mới. Và một lần nữa yếu tố thị trường đã tác động làm thay đổi hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven.

Tác động chính sách, thể chế đến nguồn lực và hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển

Các thể chế, chính sách và pháp luật tác động rất quan trọng đến nguồn lực sinh kế và hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển, nó xác định khả năng và cơ hội tiếp cận các nguồn lực sinh kế, hay thay đổi hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển trước tình trạng dễ bị tổn thương - các rủi ro mà hộ ngư dân thường gặp phải trong đời sống và trong quá trình thực hiện chiến lược sinh kế. Đặc biệt trong những năm gần đây với sự biến đổi khí hậu phức tạp, mưa bão, lũ lụt, nước biển dâng… xảy ra thường xuyên, kéo dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sinh kế của cộng đồng ngư dân ven biển, đòi hỏi cần có sự vào cuộc của các thể chế với các chính sách hiệu quả.

Các thể chế, các chính sách cần xác định đúng nhóm đối tượng ngư dân dễ bị tổn thương, chịu ảnh hưởng của những động, nhằm tháo gỡ những khó khăn cho cộng đồng ngư dân ven biển bị thiệt thòi bởi những cú sốc và các cản trở là cần thiết, nhằm cải thiện sinh kế và nâng cao mức sống cho ngư dân một cách toàn diện, công bằng và bền vững. Tuy nhiên, chính bản thân ngư dân cũng phải chủ động vươn lên tìm cách sinh kế; cần xóa bỏ tâm lý trông chờ, ỷ lại.cú sốc và các cản trở để có hành động hiệu quả, tăng khả năng và cơ hội tiếp cận nguồn lực sinh kế. Việc các thể chế xây dựng lại các chính sách, cơ chế, hành

Trong thực tế những năm gần đây, Nhà nước đã có nhiều giải pháp hỗ trợ ngư dân trong việc vay vốn đóng tàu theo Nghị định 67 của Chính phủ. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã xúc tiến những giải pháp hỗ trợ ngư dân như thành lập Quỹ ngư dân, Nghiệp đoàn nghề cá, Hợp tác xã đánh bắt xa bờ và dịch vụ thủy sản... nhằm thu hút vốn hỗ trợ ngư dân hoạt động. Tuy nhiên, cơ hội tiếp cận của ngư dân không nhiều - sự không hiệu quả của thể chế và chính sách. Thiết nghĩ, các thể chế cần suy ngẫm, xây dựng lại những chính sách, cơ chế và có những hành động, hướng dẫn tạo sự thông thoáng, dễ chịu cho quá trình tiếp cận của cộng đồng ngư dân.

TỔNG CÔNG KÍCH, TỔNG KHỞI NGHĨA TỪ CHỦ TRƯƠNG...

Tiếp theo trang 35

đã phá hủy được một khối lượng phương tiện chiến tranh lớn chưa từng có, làm rúng động các cơ quan đầu não và những hậu phương an toàn của địch, thu hẹp vùng địch kiểm soát, giải phóng thêm vùng nông thôn rộng lớn bao gồm 1 triệu 20 vạn dân. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng[21], làm đảo lộn thế chiến lược của địch, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari ngay sau đợt 1 của cuộc tổng tiến công.

1, 12. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb ST, H, 1985, tr. 31 - 32, tr. 47.

2, 3, 4, 5, 10, 11, 13, 14, 18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb CTQG, H, 2002, t. 20 (1959), tr. 82 - 83; t. 22 (1961), tr. 157; t. 29 (1968), tr. 26; t. 29 (1968), tr. 26; tr. 51; tr. 51, tr. 52; tr. 52; tr. 52.

6. Văn Tiến Dũng: *Thành công nổi bật về chỉ đạo chiến lược sáng tạo tuyệt vời của tư duy quân sự Việt Nam*, dẫn theo sách *Tết Mậu thân 1968 - 40 năm nhìn lại* (do Hồ Khang và Nguyễn Duy Tường biên soạn), Nxb QĐND, H, 2008, tr. 395.

7, 8. Hồ Khang và Nguyễn Duy Thường biên soạn: *Tết Mậu Thân 1968 - 40 năm nhìn lại*, Nxb QĐND, H, 2008, tr. 166, 167.

9. Lê Ngọc Hiền: *Ghi nhớ về xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đòn tiến công chiến lược Mậu Thân 1968*, dẫn theo sách *Tết Mậu thân 1968 - 40 năm nhìn lại*, tr. 473 và Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, t. 2, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 387.

15. Bộ Tham mưu - Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 5 (1945 - 2010)*, Nxb QĐND, H, 2012, tr. 135.

16. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 509.

17. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. thắng lợi và bài học kinh nghiệm*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 71.

19. Võ Nguyên Giáp: *Tết Mậu Thân - trận quyết chiến chiến lược lịch sử*, dẫn theo theo sách *Tết Mậu thân 1968 - 40 năm nhìn lại* do hai tác giả Hồ Khang và Nguyễn Duy Tường biên soạn, Nxb QĐND, H, 2008, tr. 388.

20. *Quân khu 5 - thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ*, Nxb QĐND, H, 1981, tr. 104.

21. Văn kiện Đảng toàn tập*: Nhận định của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 6 -1973*, t. 34 (1973), Nxb CTQG, H, 2004, tr. 126.